

Số: /QĐ-SYT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược,
Giấy chứng nhận Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, đợt 01 năm 2022**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế Quy định Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BYT ngày 22/6/2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế Quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BYT ngày 03/5/2017 của Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc;

Căn cứ Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ hồ sơ đánh giá Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Theo đề nghị của Đoàn đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược và Giấy chứng nhận đạt Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, đợt 01 năm 2022 cho 18 cơ sở theo danh sách đính kèm Quyết định.

Điều 2. Các cơ sở kinh doanh dược có tên tại Điều 1 phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật về dược có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Nghiệp vụ, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các PGĐ SYT;
- Cục Quản lý thị trường;
- Bộ phận CNTT (đăng Website SYT);
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh An

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH CƠ SỞ KINH DOANH ĐƯỢC
ĐƯỢC CẤP, ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐƯỢC,
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT THỰC HÀNH TỐT CƠ SỞ BÁN LẺ THUỐC,
ĐỢT 01 NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT, ngày 14/01/2022 của Sở Y tế)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	TĐCM	Số CCHND	Ngày cấp CCHND	Số GCN ĐKKDD	Ngày cấp GCNĐKKDD	Số GCN GPP	Ngày cấp GCN GPP	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh		Hiệu lực của GPP	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bích	02/3/1990	DSTC	625/ĐNAI-CCHND	24/4/2014	1777	14/01/2022	1622	14/01/2022	QT	Ngọc Bích	Số 129B Huỳnh Minh Thanh, thị trấn Phước Bửu	Xuyên Mộc	13/01/2025	
2	Lê Thị Diễm	04/11/1986	DSTC	1173/BRVT-CCHND	22/8/2016	662	26/11/2015	379	14/01/2022	QT	Ngọc Diễm	Khu phố Lộc An, thị trấn Phước Hải	Đất Đỏ	13/01/2025	
3	Hoàng Thị Xuân Điệp	17/11/1990	DSTC	1781/CCHN-D-SYT-BRVT	08/4/2019	1405	21/6/2019	1250	14/01/2022	QT	Xuân Điệp	Số 527 Hùng Vương, Tổ 7, ấp Phú Giao, thị trấn Ngãi Giao	Châu Đức	13/01/2025	
4	Hín Chú Din	21/11/1988	DS	2043/CCHN-D-SYT-BRVT	06/10/2021	619	14/01/2022	588	14/01/2022	NT	Thọ	LK 4-03 Võ Văn Kiệt, phường Long Tâm	Bà Rịa	14/12/2024	*
5	Phan Thị Hạnh	20/3/1978	DSTC	1429/CCHN-D-SYT-BRVT	19/7/2017	1026	10/8/2017	567	14/01/2022	QT	Tâm An	Số 114C Hùng Vương, thị trấn Ngãi Giao	Châu Đức	13/01/2025	
6	Dương Thị Thúy Hồng	06/11/1984	DS	0878/HCM-CCHND	02/12/2014	1778	14/01/2022	1623	14/01/2022	NT	Long Châu 511	Khu phố Hải An, thị trấn Phước Hải	Đất Đỏ	13/01/2025	
7	Vũ Thị Lanh	04/9/1961	DS	1113/BRVT-CCHND	12/7/2016	1327	19/11/2018	1173	14/01/2022	NT	Nhật Lâm	Số 170 Phạm Hồng Thái, Phường 7	Vũng Tàu	13/01/2025	
8	Phạm Thị Loàn	20/8/1991	DS	2022/CCHN-D-SYT-BRVT	02/6/2021	86	14/01/2022	281	14/01/2022	NT	Đức Lộc	Số 43C Phước Thắng, Phường 12	Vũng Tàu	27/7/2023	**
9	Nguyễn Minh Luân	15/8/1956	DSTC	1427/CCHN-D-SYT-BRVT	19/7/2017	1059	07/9/2017	557	14/01/2022	QT	Số 176	Số 72 khu phố Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ	Đất Đỏ	13/01/2025	
10	Trương Thị Xuân Mai	17/11/1985	DS	162/BRVT-CCHND	15/11/2013	187	14/01/2022	02	14/01/2022	NT	Hà Anh	Số 70 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Thắng Tam	Vũng Tàu	13/01/2025	
11	Võ Đình Vinh Quang	04/9/1987	DSCĐ	231/CCHN-D-SYT-BRVT	05/4/2021	1339	14/01/2022	1184	14/01/2022	QT	Ngọc Diễm	Tổ 6 thôn Đức Mỹ, xã Suối Nghệ	Châu Đức	13/01/2025	
12	Nguyễn Thái Sơn	18/11/1991	DS	1518/CCHN-D-SYT-BRVT	06/9/2017	1135	09/12/2019	722	14/01/2022	NT	Phước Thắng	Số 27 Phước Thắng, Phường 12	Vũng Tàu	13/01/2025	
13	Nguyễn Văn Sơn	14/6/1985	DS	2053/CCHN-D-SYT-BRVT	29/11/2021	991	14/01/2022	979	14/01/2022	NT	Bảo An 1	Số 29 Nguyễn Trường Tộ, Phường 3	Vũng Tàu	13/01/2025	
14	Nguyễn Thị Thanh Tâm	28/10/1982	DSTC	3070/CCHN-D-SYT-ĐNAI	04/10/2017	1779	14/01/2022	1624	14/01/2022	QT	Tâm Kỳ	Số 190 Huỳnh Minh Thanh, khu phố Xóm Rẫy, thị trấn Phước Bửu	Xuyên Mộc	13/01/2025	
15	Phạm Thị Thu Trang	30/8/1992	DS	1574/CCHN-D-SYT-BRVT	26/10/2017	1780	14/01/2022	1625	14/01/2022	NT	Gia An	Số 137 Hoàng Hoa Thám, phường Thắng Tam	Vũng Tàu	13/01/2025	
16	Hoàng Thị Trang	23/10/1994	DS	5235/CCHN-D-SYT-BRVT	28/11/2019	1781	14/01/2022	1626	14/01/2022	NT	Long Châu 478	Số 1009 đường 30 tháng 4, Phường 11	Vũng Tàu	13/01/2025	
17	Hà Văn Trường	25/8/1979	DS	351/CCHN-D-SYT-BRVT	06/3/2018	1353	19/4/2019	1198	14/01/2022	NT	Phương Anh	Số 45 Bình Giã, Phường 8	Vũng Tàu	13/01/2025	

Stt	Họ và tên	Năm sinh	TĐCM	Số CCHND	Ngày cấp CCHND	Số GCN ĐKKDD	Ngày cấp GCN ĐKKDD	Số GCN GPP	Ngày cấp GCN GPP	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh	Hiệu lực của GPP	Ghi chú	
18	Nguyễn Thị Lệ Xuân	26/12/1990	DSTC	599/BRVT-CCHND	20/5/2015	682	17/12/2015	698	14/01/2022	QT	Thiên Phúc	Khu A phố Chợ, ấp Thanh Bình 2, xã Bình Châu	Xuyên Mộc	13/01/2025	
Tổng cộng:		18 cơ sở													

Ghi chú: (*) Điều chỉnh người phụ trách chuyên môn.

(*) Điều chỉnh phạm vi kinh doanh.

- DS: Dược sĩ; DSCĐ: Dược sĩ cao đẳng; DSTC: Dược sĩ trung cấp; NT: Nhà thuốc; QT: Quầy thuốc.

- Phạm vi kinh doanh:

+ NT: Mua và bán lẻ thuốc bảo quản ở điều kiện thường không bao gồm vắc xin, thuốc thuộc Danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt và Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ.

+ QT: Mua và bán lẻ thuốc bảo quản ở điều kiện thường thuộc Danh mục thuốc thiết yếu và Danh mục thuốc không kê đơn; không bao gồm vắc xin, thuốc thuộc Danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt và Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ.

+ NT Long Châu 511, NT Long Châu 478: Mua và bán lẻ thuốc, bao gồm thuốc bảo quản ở điều kiện 2oC- 8oC, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, thuốc độc và thuốc có dược chất thuộc danh mục cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; trừ vắc xin.

+ NT Thọ: Mua và bán lẻ thuốc bảo quản ở điều kiện thường, thuốc bảo quản ở điều kiện 2oC- 8oC; không bao gồm vắc xin, thuốc thuộc Danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt và Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ.